

Số: /TB -THPTLC

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc nộp hồ sơ chế độ chính sách học sinh học kỳ II năm học 2025- 2026

1. Các căn cứ quy định

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Căn cứ Nghị quyết số 50/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; Học sinh, sinh viên khuyết tật và mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

2. Đối tượng hỗ trợ- mức hỗ trợ và hồ sơ gửi kèm

2.1 Đối tượng nhận hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP (Điều 17)

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền	Hồ sơ nộp kèm
1	Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ	150.000	5 tháng	750.000	Bản sao công chứng Quyết định trợ cấp cho con mồ côi cả cha lẫn mẹ (01 bản)
2	Học sinh khuyết tật	150.000	5 tháng	750.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận khuyết tật (02 bản)
3	Học sinh thuộc diện hộ nghèo	150.000	5 tháng	750.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận Hộ nghèo năm 2026 (01 bản)

4	Học sinh phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	150.000	5 tháng	750.000	<p>Bản sao công chứng : (01 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận thông tin cư trú do Công an phường/xã xác nhận. - Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).
---	--	---------	---------	---------	---

2.2 Đối tượng nhận học bổng và phương tiện đồ dùng học tập theo Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC

STT	Đối tượng	Học bổng		Hỗ trợ phương tiện học tập	Tổng tiền nhận	Hồ sơ nộp kèm
		Mức hỗ trợ/ tháng	Số tháng hỗ trợ			
1	Học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo/cận nghèo	1.872.000	5 tháng	500.000	9.860.000	<p>Bản sao công chứng gồm : (2 bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận khuyết tật - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo năm 2026

2.3 Đối tượng hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 3, điều 3 Nghị quyết 50/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng tiền nhận	Hồ sơ nộp kèm
1	Học sinh khuyết tật	1.200.000	5 tháng	6.000.000	Bản sao công chứng Giấy chứng nhận khuyết tật (02 bản)

2	Học sinh dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng hưởng chế độ Nghị định 66/2025/NĐ-CP	1.200.000	5 tháng	6.000.000	Bản sao công chứng: (01 bộ) - Giấy khai sinh - CCCD
---	--	-----------	---------	-----------	--

Lưu ý: Trong trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng các chính sách được quy định tại Nghị quyết 50/2025/NQ-HĐND so với các quy định khác của pháp luật đang thực hiện thì chỉ được hưởng theo mức hỗ trợ cao nhất.

3. Thời hạn nộp

Học sinh nộp hồ sơ hạn cuối đến ngày 20/03/2026 để nhà trường tổng hợp danh sách báo cáo cấp trên.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các PHT;
- GVCN các lớp;
- Phụ huynh HS (để TB)
- Lưu: VT, VP_{Hương}.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thái Quý